

Số: /2026/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày tháng năm 2026



NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư
vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15; Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15, Luật số 146/2025/QH15 và Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2024/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau dự thảo Nghị quyết quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ

chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và có dự án đầu tư quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng hỗ trợ đầu tư

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ

1. Hỗ trợ tập trung đất đai

a) Điều kiện hỗ trợ

Chỉ hỗ trợ đối với dự án phù hợp quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành, lĩnh vực và quy hoạch được lập theo Luật quy hoạch đô thị và nông thôn nhằm đáp ứng điều kiện theo pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường;

Việc thuê đất, thuê lại đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất phải thực hiện đúng điều kiện, trình tự, thủ tục, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15; Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15, Luật số 146/2025/QH15 và Luật số 147/2025/QH15 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Trường hợp hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu, hỗ trợ chi phí liên quan đến tập trung đất đai thì phải xác định rõ điều kiện hỗ trợ, phạm vi hỗ trợ, mức hỗ trợ, nguồn kinh phí, cơ quan thẩm định, cơ quan nghiệm thu, cơ chế giải ngân và thanh quyết toán;

Không quy định nội dung làm thay đổi hình thức sử dụng đất, miễn trừ nghĩa vụ tài chính về đất đai hoặc thay đổi trình tự, thủ tục đất đai trái với Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15; Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15, Luật số 146/2025/QH15 và Luật số 147/2025/QH15 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành.

b) Mức hỗ trợ tập trung đất đai

Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư thuê, thuê lại đất của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án đầu tư thì được Nhà nước hỗ trợ kinh phí tương đương với 20% tiền thuê đất, thuê mặt nước cho 05 năm đầu tiên kể từ khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động;

Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, ưu đãi đầu tư nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để hình thành vùng nguyên liệu được Nhà nước hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nguyên liệu với mức hỗ trợ 50 triệu đồng/ha, nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án và không phải chuyển sang thuê đất đối với diện tích đất nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất;

Doanh nghiệp tập trung đất đai bằng cả hai hình thức quy định nêu trên thì được Nhà nước hỗ trợ bằng tổng cả hai hình thức nêu trên.

2. Hỗ trợ tín dụng

Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được ngân sách địa phương hỗ trợ lãi suất vay thương mại sau khi dự án hoàn thành như sau:

a) Điều kiện được hỗ trợ lãi suất

Doanh nghiệp có đề nghị được hỗ trợ lãi suất có khoản vay phục vụ dự án đầu tư theo khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

Khoản vay của doanh nghiệp được hỗ trợ lãi suất là khoản vay bằng đồng Việt Nam, sử dụng vốn đúng mục đích phục vụ dự án đầu tư theo khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này và chưa được hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước theo các chính sách khác.

Tại thời điểm xét hỗ trợ, khoản vay phát sinh số dư nợ gốc bị quá hạn không được hỗ trợ lãi suất. Khoản vay được gia hạn nợ không được hỗ trợ lãi suất đối với thời gian gia hạn nợ.

b) Mức hỗ trợ bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu tư tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ.

c) Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại:

08 năm đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư nhưng không vượt quá thời gian vay vốn của khoản vay được hỗ trợ;

06 năm đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư nhưng không vượt quá thời gian vay vốn của khoản vay được hỗ trợ;

Trường hợp dự án của doanh nghiệp nhỏ và vừa mới thành lập thì thời gian hỗ trợ lãi suất là 08 năm nhưng không vượt quá thời gian vay vốn của khoản vay được hỗ trợ;

Dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thì được áp dụng hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm.

d) Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

đ) Phương thức hỗ trợ lãi suất: Số tiền hỗ trợ lãi suất được chi trả trực tiếp qua tài khoản thanh toán của doanh nghiệp được mở tại ngân hàng thương mại.

Điều 5. Nguồn kinh phí hỗ trợ

1. Ngân sách địa phương bố trí vốn chi cho ngành nông nghiệp để thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khi có nhu cầu, gồm: Chi đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án do địa phương quản lý và chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị ở địa phương được phân cấp trực tiếp quản lý trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn, bao gồm hoạt động phát triển nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, xây dựng nông thôn mới và hoạt động phát triển nông thôn khác.

2. Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng.....năm 2026.

2. Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa ..., kỳ họp thứ thông qua ngày ... tháng ... năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT.UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ngân hàng NN - CN Khu vực 15;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH